

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NHÓM DỊCH VỤ TSL,
TRUYỀN HÌNH HỘI NGHỊ NGN VÀ TRUYỀN SỐ LIỆU MEGA IOT (1)**

Số: Năm tháng ngày - /VNPT VNP-*tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐ* *Tên tắt dv* (2)

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ khả năng và điều kiện của các bên,

Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ TSL, Truyền hình hội nghị NGN và Truyền số liệu Mega IoT (“Hợp đồng”) này được lập và ký kết ngày tháng năm, tại, giữa các Bên dưới đây:

I. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: (3)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Mã số thuế :

Người đại diện :

Chức vụ :

(Theo Giấy uỷ quyền sốngày của.....).

(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên A”)

Và

II. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: (3)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông số 18/GP-CVT ngày 18/01/2018.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp cho Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông số 0106869738 do Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/06/2015.

Mã số thuế :

Người đại diện :

Chức vụ :

(Theo Giấy uỷ quyền sốngày của.....).

(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên B”)

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp, mô tả dịch vụ được quy định chi tiết tại Phụ lục Hợp đồng.
- 1.2. Thông tin dịch vụ được niêm yết tại website (và/hoặc các điểm giao dịch) của Bên B và được điều chỉnh theo từng thời điểm (nếu có).

ĐIỀU 2. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ

- 2.1. Cước phí lắp đặt dịch vụ:
 - a. Cước phí lắp đặt là cước phí lắp đặt, đấu nối, cài đặt, kết nối, hòa mạng,... tùy theo dịch vụ, để Bên A sử dụng được dịch vụ của Bên B.
 - b. Trường hợp Bên A có nhu cầu chuyển dịch vị trí lắp đặt, cước phí lắp đặt các lần sau sẽ được Bên B thông báo cho Bên A theo quy định của Bên B tại thời điểm chuyển dịch.
 - c. Mức cước phí lắp đặt dịch vụ tùy theo dịch vụ và được quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
- 2.2. Cước phí sử dụng dịch vụ:

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, ngày bắt đầu tính cước phí sử dụng dịch vụ là ngày các bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao.

 - a. Cước phí hàng tháng là cước phí Bên A phải trả khi sử dụng dịch vụ theo định kỳ hàng tháng cho Bên B. Cước phí phải thanh toán hàng tháng được xác định trên cơ sở cước phí hàng tháng trừ đi cước giảm trừ của tháng liền trước đó (nếu có).
 - Mức cước phí hàng tháng tùy theo dịch vụ và được quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
 - Trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ không tròn tháng/thuê dịch vụ ngắn ngày (<30 ngày) thì cước dịch vụ sẽ được tính theo công thức sau và quy định rõ trong hợp đồng:
$$\text{Cước thuê bao} = \frac{\text{Số ngày sử dụng}}{\text{Tổng số ngày thực tế trong tháng}} \times \text{Cước thuê tháng}$$
 - Trường hợp gián đoạn dịch vụ do Bên B không đảm bảo yêu cầu về chất lượng dịch vụ, Bên B sẽ giảm trừ cước phí hàng tháng cho Bên A theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
 - b. Cước phí theo gói là cước phí Bên A phải trả khi sử dụng dịch vụ từng lần/phiên. Mức cước phí theo gói tùy theo dịch vụ và được quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
- 2.3. Trường hợp có thay đổi về cước phí dịch vụ trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B sẽ kịp thời thông báo cho Bên A:
 - a. Trường hợp Bên A đồng ý với mức cước phí dịch vụ mới, hai bên sẽ ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh mức cước phí dịch vụ.

- b. Trường hợp Bên A không đồng ý với mức cước phí dịch vụ mới, Bên A có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng.
Trong thời gian hai bên chưa thống nhất được về giá cước, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ cho đến khi hai bên đạt được thống nhất về giá cước.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

3.1. Phương thức thanh toán:

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, phương thức thanh toán cước phí được áp dụng như sau:

- a. Cước phí lắp đặt:
Bên A thanh toán cho Bên B 100% cước phí lắp đặt ngay sau khi ký Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thanh toán.
Cước phí lắp đặt sẽ không được hoàn trả trong mọi trường hợp.
- b. Cước phí hàng tháng:
Trước ngày 15 hàng tháng, Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ theo cước phí phải thanh toán của tháng liền trước cho Bên A. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, Bên A thanh toán 100% cước phí cho Bên B.
- c. Cước phí theo gói:
Kết thúc lần/phiên sử dụng dịch vụ, Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A theo mức cước đã được quy định tại Phụ lục Hợp đồng. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% cước phí cho Bên B.
Hóa đơn cước phí do Bên B cung cấp sẽ được coi như Bên A chấp thuận nếu Bên A không có khiếu nại bằng văn bản và đưa ra lý do khiếu nại chính đáng, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, Bên A vẫn phải thanh toán đầy đủ và đúng hạn cước phí cho Bên B. Giá trị chênh lệch sẽ được mỗi bên thanh toán/giảm trừ sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại.

3.2. Hình thức thanh toán:

- a. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, Bên A thanh toán theo hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam vào tài khoản ngân hàng của Bên B.
Giá trị thanh toán theo Hợp đồng có thể bù trừ với các khoản công nợ khác giữa các bên (nếu có).
- b. Bên A chịu trách nhiệm về chi phí liên quan đến việc thanh toán để đảm bảo Bên B nhận được đầy đủ số tiền ghi trên hóa đơn.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1. Quyền của Bên A:

- a. Được sử dụng dịch vụ theo đúng quy định tại Hợp đồng, quy định của Bên B, Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông và pháp luật Việt Nam.
- b. Yêu cầu Bên B cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ và dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo (nếu có).
- c. Sử dụng dịch vụ viễn thông theo chất lượng và giá cước quy định tại Hợp đồng. Được ngừng sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng.

- d. Khiếu nại về giá cước, chất lượng dịch vụ; được bồi thường thiệt hại của hậu quả trực tiếp gây ra do lỗi của Bên B. Yêu cầu Bên B bảo dưỡng các thiết bị, khắc phục sự cố dịch vụ. Được giảm trừ cước phí trong trường hợp sự cố dịch vụ do lỗi của Bên B theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
 - e. Được quyền đảm bảo bí mật các thông tin riêng theo quy định của pháp luật.
- 4.2. Nghĩa vụ của Bên A:
- a. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cước phí dịch vụ và chịu chi phí (chuyển tiền, phí ngân hàng và các chi phí khác có liên quan) phát sinh khi thanh toán cước.
 - b. Quản lý, bảo quản và sử dụng thiết bị do Bên B cung cấp theo đúng quy định. Không tự ý dịch chuyển, chuyển giao thiết bị do Bên B lắp đặt. Hoàn trả lại thiết bị cho Bên B trong tình trạng sử dụng tốt khi thanh lý, chấm dứt Hợp đồng. Bồi thường các thiệt hại do làm mất, hỏng thiết bị do Bên B cung cấp (nếu có).
 - c. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, thiết bị cần thiết để Bên B lắp đặt dịch vụ. Thiết bị, vật tư của Bên A đấu nối vào mạng viễn thông phải tương thích và đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo pháp luật Việt Nam.
 - d. Không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng cho bên thứ ba trước khi được sự đồng ý của Bên B. Không cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức khác sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp. Không được sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông, thiết bị, dịch vụ do Bên B cung cấp để kinh doanh dịch vụ viễn thông và/hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
 - e. Cung cấp trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin mục đích, quy mô, cấu hình mạng và các thông tin khác liên quan đến Bên A, Hợp đồng, đến việc sử dụng dịch vụ cho Bên B. Trường hợp có sự thay đổi về các thông tin đó, Bên A phải thông báo cho Bên B biết trước ngày dự định thay đổi ít nhất 05 ngày.
 - f. Phối hợp, tạo điều kiện và bảo đảm an toàn ở mức cao nhất cho Bên B trong quá trình bảo dưỡng và kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ tại địa điểm của Bên A.
 - g. Chịu trách nhiệm đảm bảo các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống mạng của mình. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin truyền, đưa, lưu giữ trên mạng viễn thông.
 - h. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan.
 - i. Bên A hiểu và thừa nhận rằng Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với:
 - Việc lựa chọn, sử dụng và duy trì các thiết bị và hệ thống của Bên A.
 - Mục đích sử dụng dịch vụ của Bên A.
 - Nội dung của bất kỳ dữ liệu hay thông tin mà Bên A có thể gửi hoặc nhận được trong khi sử dụng dịch vụ của Bên B.
 - j. Khi có sự cố dịch vụ, Bên A phải thông báo cho đầu mối liên hệ của Bên B để cùng phối hợp xử lý. Mọi sự cố về thông tin thuộc phạm vi Bên A đảm nhận, Bên A có trách nhiệm sửa chữa kịp thời để phục hồi thông tin.
 - k. Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc sử dụng dịch vụ viễn thông.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1. Quyền của Bên B:

- a. Yêu cầu Bên A thanh toán cước phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng dịch vụ của Bên A theo quy định của pháp luật.
- b. Không chịu trách nhiệm về việc người của Bên A, bên thứ ba truy nhập trái phép vào mạng, thiết bị của Bên A nhằm thay đổi, lấy cắp hoặc phá hủy dữ liệu, chương trình, thông tin hoặc thiết bị của Bên A, trừ trường hợp do lỗi trực tiếp từ Bên B.
- c. Không chịu trách nhiệm về thiệt hại của Bên A, các khiếu nại, khởi kiện Bên A từ các bên khác nếu không xuất phát từ lỗi trực tiếp của Bên B.
- d. Không chịu trách nhiệm về các thông tin, nội dung của Bên A thông qua việc sử dụng dịch vụ của Bên B. Có quyền xóa bỏ dữ liệu, thông tin của Bên A khi chấm dứt Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- a. Thường xuyên kiểm tra chất lượng dịch vụ, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho Bên A theo đúng chất lượng mà Bên B đã công bố.
- b. Đảm bảo bí mật thông tin của Bên A theo quy định tại Hợp đồng.
- c. Phối hợp với Bên A trong quá trình vận hành, khai thác, bảo dưỡng và xử lý sự cố trong hệ thống; tìm hiểu, xác nhận nguyên nhân và thời gian xảy ra sự cố để khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.
- d. Thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc bảo dưỡng định kỳ hệ thống hoặc thay đổi lịch trình bảo dưỡng ít nhất 3 ngày trước khi thực hiện. Nội dung của thông báo sẽ bao gồm thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện, thời gian dự kiến bảo dưỡng. Bên B sẽ áp dụng mọi biện pháp để tiến hành bảo dưỡng vào thời gian thích hợp nhất cho Bên A.
- e. Xử lý, khắc phục sự cố dịch vụ trong thời gian sớm nhất ngay khi nhận được thông báo sự cố từ Bên A. Trường hợp sự cố dịch vụ (tính từ lúc Bên A thông báo cho Bên B cho đến lúc Bên B báo lại cho Bên A về thời điểm khôi phục) do lỗi của Bên B, Bên B có trách nhiệm giảm trừ cước phí cho Bên A vào tháng kế tiếp theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng. Bên B không phải giảm trừ cước phí trong trường hợp sự cố do lỗi của Bên A.
- f. Thông báo bằng văn bản cho Bên A khi thay đổi về cước phí dịch vụ trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).
- g. Không được từ chối giao kết Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 26 Luật Viễn thông và luật khác có liên quan.
- h. Thông báo cho Bên A trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh dịch vụ, trừ trường hợp Hợp đồng hoặc pháp luật có quy định khác.
- i. Tuân thủ nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại Luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và văn bản hướng dẫn thi hành.
- j. Giải quyết khiếu nại của Bên A theo quy định của Bên B, Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông và tuân thủ quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. TẠM NGỪNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ

- 6.1. Trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ, Bên A gửi văn bản đề nghị Bên B giải quyết trước tối thiểu 07 ngày làm việc (ngày làm việc được hiểu là những ngày từ thứ

- 2 đến thứ 6, trừ ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước Việt Nam) và làm các thủ tục, thanh toán hết các khoản cước phí tính đến thời điểm tạm ngừng theo quy định hiện hành (nếu có). Thời gian tạm ngừng tối thiểu là 30 ngày và tối đa theo quy định của Bên B tại thời điểm tạm ngừng. Ngoài ra, Bên A phải chịu thêm cước phí tạm ngừng dịch vụ và cước phí khôi phục dịch vụ theo quy định của Bên B (nếu có).
- 6.2. Bên B có thể tạm ngừng cung cấp dịch vụ nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây:
- Bên A vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng.
Trong trường hợp này, dịch vụ chỉ được khôi phục sau khi Bên A chấm dứt hành vi vi phạm, nộp đầy đủ các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của Bên B và cước phí khôi phục dịch vụ do Bên B quy định.
 - Bên B phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A trong quá trình sử dụng dịch vụ hoặc tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới viễn thông theo kế hoạch.
 - Các bên chưa thống nhất cước phí dịch vụ điều chỉnh theo thông báo của Bên B,
 - Khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc theo quy định của pháp luật.
- 6.3. Khi có căn cứ tạm ngừng dịch vụ, Bên B sẽ tiến hành tạm ngừng, đồng thời thông báo cho Bên A về việc tạm ngừng dịch vụ trong vòng 03 ngày, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 7. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

- 7.1. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, thời hạn của Hợp đồng được quy định như sau: Hợp đồng này có thời hạn 01 năm kể từ ngày có hiệu lực. Trước ngày kết thúc Hợp đồng, nếu một trong hai bên không có văn bản đề nghị chấm dứt Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 01 năm. Quy định này được áp dụng tương tự cho các năm hiệu lực tiếp theo của Hợp đồng.
Đối với dịch vụ sử dụng theo lần/phiên, thời hạn Hợp đồng kết thúc tại thời điểm sử dụng xong lần/phiên dịch vụ đó.
- 7.2. Hợp đồng này chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:
- Các bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
 - Bên bị vi phạm Hợp đồng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn nếu bên vi phạm Hợp đồng không khắc phục được hậu quả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của bên bị vi phạm.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 7.3. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng:
- Ngay sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B đầy đủ cước phí dịch vụ tính đến hết ngày chấm dứt Hợp đồng và các khoản thanh toán khác (nếu có).
 - Việc chấm dứt Hợp đồng không ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.
- 7.4. Khi chấm dứt Hợp đồng, các bên phải tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng, việc thanh lý Hợp đồng phải được lập thành văn bản, trong đó xác định quyền và nghĩa vụ còn lại của mỗi bên. Hợp đồng chỉ được thanh lý khi các bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ còn lại trong Hợp đồng.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, nếu một bên (i) không thực hiện đúng và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, hoặc (ii) đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái với các quy định tại Hợp đồng và pháp luật, phải chịu trách nhiệm như sau:

8.1. Bồi thường thiệt hại:

- a. Trường hợp một bên vi phạm gây thiệt hại, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trực tiếp cho bên bị vi phạm theo quy định của pháp luật.
- b. Trường hợp Bên A chậm thanh toán, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất bằng 150% lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng nơi Bên B mở Tài khoản ghi trong Hợp đồng nhưng không vượt quá 20%/năm, tương ứng thời gian chậm thanh toán

8.2. Phạt vi phạm:

Bên vi phạm sẽ phải nộp cho bên bị vi phạm một khoản tiền phạt vi phạm tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 9.1. Trừ trường hợp sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng này, các bên cam kết giữ bí mật tất cả các thông tin liên quan đến nội dung của Hợp đồng, nội dung thực hiện Hợp đồng và thông tin khác có liên quan các bên được biết trong quá trình làm việc.

Các bên không được tiết lộ hoặc để lộ thông tin trên cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ trường hợp bên còn lại đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật.

- 9.2. Các quy định tại khoản 9.1 điều này ràng buộc các bên về nghĩa vụ bảo mật không giới hạn về không gian, thời gian. Mọi vi phạm nghĩa vụ bảo mật dẫn đến thiệt hại cho một bên (nếu có) sẽ được bên vi phạm bồi thường theo thực tế thiệt hại xảy ra.

ĐIỀU 10. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, bão, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch bệnh, cách ly kiểm dịch, sự thay đổi trong chính sách, pháp luật, dẫn đến việc một bên hoặc các bên không thực hiện được đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.

- 10.2. Một bên không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng sẽ được loại trừ trách nhiệm dân sự và không phải là cơ sở để bên còn lại chấm dứt Hợp đồng hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng gây ra.
- b. Thông báo cho phía bên còn lại về sự kiện bất khả kháng ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tùy từng trường hợp cụ thể, thu thập chứng cứ và/hoặc giấy xác nhận/thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng để cung cấp cho bên còn lại.
- c. Thực hiện các nghĩa vụ không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

- d. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ bị tạm ngừng ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng ngay sau khi tác động của sự kiện bất khả kháng chấm dứt.
- 10.3. Các bên có thể thỏa thuận kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu việc thực hiện hợp đồng bị chậm trễ do sự kiện bất khả kháng. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hoặc gây hậu quả nghiêm trọng dẫn đến việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng sẽ không có lợi cho các bên thì các bên có thể thỏa thuận chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 11. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, quyền sở hữu trí tuệ đối với các phần mềm, ứng dụng, chương trình máy tính,... liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này vẫn thuộc về Bên B hoặc chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm này.

ĐIỀU 12. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1. Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Các quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác chưa được quy định tại Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo các quy định pháp luật có liên quan.
- 12.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc xác lập, ký kết và thực hiện Hợp đồng này sẽ được các bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải trên tinh thần thiện chí. Các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng không có tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 12.3. Trường hợp các bên không thể giải quyết bằng phương thức thương lượng, hòa giải, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

- 13.1. Các bên có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại về đầu mối có thẩm quyền liên hệ công việc liên quan đến Hợp đồng này.
- 13.2. Mọi thông báo, yêu cầu, đề nghị hoặc hình thức truyền đạt thông tin khác của một bên liên quan đến Hợp đồng (“Thông báo”) chỉ có giá trị pháp lý với bên còn lại khi thể hiện bằng văn bản và chuyển cho bên còn lại theo một trong các hình thức: văn bản trao tay/thư bảo đảm (văn bản giấy), fax hoặc hình thức điện tử khác (email/zalo/viber/skype/...) của người có thẩm quyền. Bên thông báo theo hình thức điện tử phải cung cấp văn bản giấy cho Bên nhận thông báo ngay sau đó để xác thực thông tin.
- 13.3. Trường hợp các bên gửi nhiều thông báo, thông báo cuối cùng theo thời gian sẽ được áp dụng. Nếu thông báo nhận được cùng thời gian sẽ áp dụng theo thứ tự ưu tiên: hình thức điện tử, fax, văn bản trao tay/thư bảo đảm.
- 13.4. Mỗi bên sẽ thông báo cho bên kia về bất kỳ thay đổi nào đối với đầu mối liên hệ, địa chỉ, số điện thoại, email, hình thức liên hệ điện tử khác của mình.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, các nội dung cam kết, thỏa thuận (nếu có) giữa các bên có nội dung trái với quy định của Hợp đồng này hết hiệu lực thi hành.

- 14.2. Các bên cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này với tinh thần thiện chí, trung thực và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình thực hiện.
- 14.3. Hợp đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi được sự chấp thuận của các bên. Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các bên.
- 14.4. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A (4)

ĐẠI DIỆN BÊN B (4)

Ghi chú: Mẫu 04 sử dụng cho nhóm dịch vụ Truyền số liệu, Truyền hình hội nghị NGN và Truyền số liệu Mega IoT

(1) Cách thể hiện tên Hợp đồng (chữ in, đứng, đậm): HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ.....

- Với nhóm dịch vụ Truyền số liệu để tên là: **HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUYỀN SỐ LIỆU**
- Với từng dịch vụ riêng lẻ để tên theo từng dịch vụ (ví dụ: **HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KÊNH THUÊ RIÊNG**)

(2) Cách thể hiện số Hợp đồng (chữ thường, đứng, đậm):

Ví dụ: “Số: 160801-..../VNPT VNP-KHDN-DN/HĐ KTR”

- “Năm”: chỉ ghi 2 số cuối của năm làm Hợp đồng (ví dụ: 16)
- “Tháng”: ghi 2 số (ví dụ tháng 8: 08)
- “Ngày”: ghi 2 số (ví dụ: 01)
- “-...”: Số thứ tự của HĐ cấp trong ngày (ví dụ: -01)
- “tên tắt đơn vị ban hành văn bản”: các đơn vị ghi tên tắt của đơn vị khi ban hành VB (ví dụ: KHDN hoặc TTHTBHMN hoặc TTKDVPC)
- “tên tắt đơn vị soạn thảo văn bản”: các đơn vị ghi tên tắt của đơn vị khi soạn thảo VB (ví dụ: BĐTW hoặc PKHTCDN)
- “tên tắt dịch vụ cung cấp cho khách hàng”: các đơn vị ghi tên tắt của dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Đối với nhóm dịch vụ Truyền số liệu tên tắt là: TSL. Đối với từng dịch vụ riêng lẻ tên tắt như sau: KTR: Kênh thuê riêng; MGW: Megawan; MGW3G: Megawan 3G; Metronet: MTN; THHNNGN: Truyền hình hội nghị NGN; Truyền số liệu Mega IoT: Mega IoT

(3) Thông tin của các bên tham gia ký kết Hợp đồng:

- Tên của Bên sử dụng dịch vụ và bên cung cấp dịch vụ (chữ in, đứng, đậm): các đơn vị ghi đầy đủ, chính xác tên của các bên theo giấy phép Đăng ký kinh doanh (ví dụ: **BAN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**)
- Địa chỉ: ghi đầy đủ chính xác theo giấy phép Đăng ký kinh doanh
- Tài khoản: Ghi đầy đủ tài khoản, ngân hàng của các bên (đối với bên cung cấp dịch vụ là tài khoản thu)
- Mã số thuế: ghi đầy đủ chính xác theo giấy phép Đăng ký kinh doanh
- Người đại diện: Ghi danh xưng và họ tên của người ký văn bản (ví dụ: Ông Đinh Đức Thụ)
- Chức vụ: Ghi rõ chức vụ của người ký văn bản (ví dụ: Phó Giám đốc).
- Theo Giấy ủy quyền.....: Trường hợp không phải người đứng đầu chi nhánh/tổ chức/doanh nghiệp ký thì cần có thêm thông tin giấy ủy quyền của người đứng đầu chi nhánh cho người ký văn bản (ví dụ: Theo giấy ủy quyền số 848/GUQ-KHDN-TH ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Giám đốc cho Phó Giám đốc)

(4) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi: **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

***Lưu ý khác:**

- Các đơn vị khi đi bán hàng tùy theo nhu cầu của Khách hàng mà sử dụng các Phụ lục Hợp đồng theo từng dịch vụ cho phù hợp, chi tiết như sau:

- ✓ Phụ lục 01-A: **NHÓM DỊCH VỤ TRUYỀN SỐ LIỆU (KTR/MEGAWAN/METRONET/MEGAWAN3G);**
- ✓ Phụ lục 01-B: **DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH HỘI NGHỊ NGN THEO THÁNG;**
- ✓ Phụ lục 01-C: **DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH HỘI NGHỊ NGN THEO PHIÊN.**

Mẫu 04: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ TSL, Truyền hình hội nghị NGN và Truyền số liệu Mega IoT

✓ Phụ lục 02: DỊCH VỤ TRUYỀN SỐ LIỆU MEGA IoT

- Khi giao dịch ký kết Hợp đồng với các KHTCDN: Các thông tin của các bên phải đúng như trên giấy phép Đăng ký kinh doanh. Riêng đối với giấy ủy quyền thì phải kiểm tra các thông tin sau: Thông tin của người ủy quyền và người được ủy quyền; thẩm quyền, phạm vi của người được ủy quyền; thời hạn của giấy ủy quyền, ..

PHỤ LỤC 01-A (1)

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐ Tên tắt dv ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ (2)

- Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ:
 - Kênh thuê riêng (Leased line): là dịch vụ cho thuê kênh truyền dẫn vật lý dùng riêng để kết nối và truyền thông tin giữa các thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng của khách hàng tại hai địa điểm cố định khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam.
 - Megawan: dịch vụ mạng riêng ảo hữu tuyến MPLS VPN lớp 3 cho phép kết nối các mạng (LAN tại các văn phòng, chi nhánh....) của một doanh nghiệp, tổ chức thành một mạng riêng, duy nhất thông qua cơ sở hạ tầng dùng chung của nhà cung cấp dịch vụ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
 - Metronet: dịch vụ mạng riêng ảo hữu tuyến MPLS VPN lớp 2 cho phép kết nối các mạng (LAN tại các văn phòng, chi nhánh....) của một doanh nghiệp, tổ chức thành một mạng riêng, duy nhất thông qua cơ sở hạ tầng dùng chung của nhà cung cấp dịch vụ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
 - Megawan 3G: dịch vụ mạng riêng ảo vô tuyến MPLS VPN lớp 3 sử dụng đường truy cập vô tuyến thông qua mạng Vinaphone 3G để kết nối tới mạng Megawan. Tốc độ kết nối vào mạng Megawan đáp ứng ở mức tốc độ 512Kbps.
- Địa điểm lắp đặt và số lượng kênh cụ thể như sau:

STT	Tên trạm/địa chỉ	Loại cổng	Tốc độ (Mb/s)	Kết nối	Mã kênh	Ghi chú
1.						

II. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ

- Cước phí dịch vụ mà Bên A thanh toán cho Bên B,
Trong đó:
 - Cước phí lắp đặt thanh toán 1 lần (đã bao gồm thuế VAT 10%) là.....đồng.
(Bằng chữ:.....)
 - Cước phí hàng tháng (đã bao gồm thuế VAT 10%) là.....đồng.
(Bằng chữ:.....)
- Cụ thể cước phí dịch vụ:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên trạm/địa chỉ	Loại cổng	Tốc độ (Mb/s)	Cước phí lắp đặt		Cước phí hàng tháng	
				Chưa có thuế VAT	Đã có thuế VAT	Chưa có thuế VAT	Đã có thuế VAT
1.							

III. CAM KẾT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ GIẢM TRỪ CƯỚC MLL

- Bên B cam kết đảm bảo và duy trì ổn định chất lượng dịch vụ cung cấp cho Bên A.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố mất liên lạc do lỗi của Bên B, Bên B có trách nhiệm giảm cước cho Bên A. Phần cước được giảm trừ sẽ được khấu trừ vào tháng kế tiếp:

$$\text{Số tiền giảm trừ} = \frac{\text{Cước thuê hàng tháng}}{\text{Tổng số ngày thực tế trong tháng} \times 24 \text{ giờ} \times 60 \text{ phút}} \times \text{Số phút gián đoạn liên lạc}$$

- Thời gian mất liên lạc để tính giảm cước được quy định như sau:
 - Dưới 30 phút: không thực hiện giảm trừ cước.
 - Trên 30 phút: tính theo tổng số phút mất liên lạc thực tế trong tháng.

IV. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		
Xuất hóa đơn, thanh toán		

V. ĐẦU MỐI XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4
ĐẠI DIỆN BÊN A (3)		ĐẠI DIỆN BÊN B (3)	

Ghi chú: Phụ lục 01-A sử dụng cho nhóm dịch vụ Truyền số liệu (KTR, Megawan, Metronet, Megawan 3G)

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**
 - Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:
 - + Căn cứ Hợp đồng gốc
 - + Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như **(3)** của Hợp đồng
- Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng sốngày.....)

Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc;
Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Mô tả dịch vụ tại mục I: Các đơn vị khi đi bán hàng tùy theo yêu cầu của Khách hàng mà đề định nghĩa mô tả về dịch vụ. Bán dịch vụ nào thì chỉ đề định nghĩa của dịch vụ đó.

(3) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Mẫu 04: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ TSL, Truyền hình hội nghị NGN và Truyền số liệu Mega IoT

PHỤ LỤC 01 – B (1)

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-*tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo*/HĐ*Tên tắt dv* ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ

- Dịch vụ Truyền hình Hội nghị NGN là dịch vụ truyền dẫn tín hiệu hình ảnh và âm thanh giữa hai hoặc nhiều điểm khác nhau trên nền mạng NGN và giải pháp thiết bị phần cứng Polycom. Dịch vụ cho phép nhiều người tham dự tại các địa điểm có thể trao đổi trực tiếp bằng âm thanh, hình ảnh qua màn hình và loa. Dịch vụ cho phép kết nối với máy tính để trình chiếu văn bản lên màn hình LCD/ máy chiếu, kết nối với hệ thống âm thanh ngoài, các thiết bị lưu trữ (đầu ghi băng từ, đĩa quang VCD, DVD hoặc ổ cứng).
- Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng: Dịch vụ truyền hình hội nghị NGN dựa vào công nghệ Layer 3 BGP/MPLS/VPN.
- Chi tiết dịch vụ cụ thể như sau:

Stt	Địa điểm lắp đặt	Loại cổng	Tốc độ (Mb/s)	Kết nối	Mã kênh	Thiết bị (VCS,..)	Ghi chú
1.							
2.							

II. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ

- Cước phí lắp đặt thanh toán 1 lần (đã bao gồm thuế VAT 10%):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Địa điểm lắp đặt	Loại cổng	Tốc độ (Mb/s)	Cước phí lắp đặt	Thuế VAT 10%	Tổng
1.						
2.						
Tổng						

- Cước phí hàng tháng (đã bao gồm thuế VAT 10%):

- Đơn vị tính: Đồng

Stt	Địa điểm lắp đặt	Cước phí	Thuế VAT (10%)	Thành tiền	Thời điểm tính cước
1.					
2.					

Tổng cộng				
------------------	--	--	--	--

III. CAM KẾT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ PHỐI HỢP ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

IV. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		
Xuất hóa đơn, thanh toán		

V. ĐẦU MỐI XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

ĐẠI DIỆN BÊN A (2)

ĐẠI DIỆN BÊN B (2)

Ghi chú: Phụ lục 01 – B sử dụng cho dịch vụ Truyền hình hội nghị NGN theo tháng

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**
 - Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:
- + Căn cứ Hợp đồng gốc
- + Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như **(3)** của Hợp đồng

Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng sốngày.....)

Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc;
Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm ..., chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

*** Lưu ý khác:**

- Các đơn vị bán hàng tự điền thông tin vào Phần III của phụ lục này.

PHỤ LỤC 01 – C (1)

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐ Tên tắt dv ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ

- Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng: x phiên dịch vụ Truyền hình hội nghị NGN dựa vào công nghệ Layer 3 BGP/MPLS/VPN giữa và
- Địa điểm lắp đặt cụ thể như sau:

STT	Giờ truyền	Điểm đầu	Điểm cuối	Tốc độ (mb/s)	Kết nối	Loại dịch vụ	Mã kênh
1.						Megawan	

- Thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ:

Từh00 ngày/...../... đến hếth00 ngày/...../...

Bên B đảm bảo đường truyền tại điểm cầu truyền hình hội nghị trực tuyến được thông suốt, liên tục và cử kỹ thuật viên trực tại điểm cầu trong suốt thời gian diễn ra hội nghị.

II. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ PHIÊN:

- Cước phí sử dụng:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục	Số lượng	Đơn giá/điểm	Thành tiền
1.	Cước phí lắp đặt tại điểm truyền			
2.	Cước phí dịch vụ truyền hình hội nghị (trang bị đến.....)			
Tổng cước phí chưa có thuế VAT				
Thuế VAT				
Tổng cước phí có thuế VAT				
Bằng chữ:đồng				

- Cước phí hủy bỏ phiên truyền:

III. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		
Xuất hóa đơn, thanh toán		

IV. ĐẦU MỐI XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4
----------	----------	----------	----------

Mẫu 04: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ TSL, Truyền hình hội nghị NGN và Truyền số liệu Mega IoT

--	--	--	--

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

ĐẠI DIỆN BÊN A (2)

ĐẠI DIỆN BÊN B (2)

Ghi chú: Phụ lục 01 – C sử dụng cho dịch vụ Truyền hình hội nghị NGN theo phiên

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**
 - Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:

+ Căn cứ Hợp đồng gốc

+ Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như **(3)** của Hợp đồng

Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng sốngày.....)

Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc

Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm ..., chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trưởng hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 02: DỊCH VỤ TRUYỀN SỐ LIỆU MEGA IoT (1)

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐTên tắt dv ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ

- Dịch vụ Truyền số liệu băng rộng cố định kết nối các thiết bị IoT (Dịch vụ Truyền số liệu Mega IoT) là giải pháp được kết hợp giữa hai loại dịch vụ: Kênh tổng (uplink) sử dụng dịch vụ Truyền số liệu MegaWan nội hạt VPN Layer3 và kênh nhánh triển khai theo công nghệ FTTH với tên gọi là MegaIoT.
- Giải pháp cung cấp cho khách hàng có nhu cầu kết nối số lượng lớn các thiết bị IoT tạo thành một mạng riêng ảo (nội tỉnh) đảm bảo một số tiêu chí như chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí do giảm thời gian khai báo và tài nguyên khi các kênh nhánh sử dụng phương thức xác thực PPPoE.

II. LẮP ĐẶT, CÀI ĐẶT DỊCH VỤ

1. Lắp đặt, cài đặt dịch vụ:

- Bên B sẽ thiết lập đường truyền số liệu băng rộng cố định cho Bên A với nội dung chi tiết như sau:

STT	Địa điểm		Tốc độ
	Điểm đầu	Điểm cuối	
1.			

- Bên B có trách nhiệm cài đặt cho Bên A kênh truyền (có tốc độ:) và cài đặt cấu hình cho Bên A.
- Bên B bảo đảm: (i) lắp đặt, cài đặt, đo thử, tổ chức nghiệm thu và cung cấp dịch vụ cho Bên A theo đúng tiêu chuẩn chất lượng và quy định tại Hợp đồng, (ii) thông báo kịp thời cho Bên A những thay đổi về thông số kỹ thuật liên quan đến dịch vụ mà Bên A đang sử dụng.
- Bên A chịu trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các thiết bị sẵn sàng cho việc kết nối (trừ thiết bị đầu cuối do Bên B cung cấp theo quy định).

2. Thời gian lắp đặt, cài đặt:

- Bên B sẽ lắp đặt đường truyền và cài đặt dịch vụ tại địa điểm sử dụng của Bên A trong thời hạn ... ngày kể từ ngày Bên B tiếp nhận yêu cầu và thông báo cho Bên A về khả năng triển khai (sau khi Bên A đã thanh toán cước phí lắp đặt và đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết cho việc lắp đặt). Bên B sẽ thông báo cho Bên A nếu thời gian này phải kéo dài hoặc thay đổi.

3. Nghiệm thu, bàn giao:

- Sau khi Bên B hoàn thành việc lắp đặt, cài đặt dịch vụ, các Bên sẽ ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao dịch vụ để đưa đường truyền vào khai thác chính thức.

4. Dịch chuyển đường truyền:

- Bên A không tự ý dịch chuyển đường truyền. Khi cần thay đổi, dịch chuyển đường truyền, Bên A phải có văn bản đề nghị Bên B trước tối thiểu 30 ngày.

III. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ

1. Cước phí lắp đặt dịch vụ (thanh toán 1 lần):

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Số lượng kênh truyền	Thành tiền
1.	Cước phí lắp đặt kênh tổng				
	Cước phí lắp đặt các kênh nhánh				
Tổng cộng					
<i>Bằng chữ:</i>					

2. Cước phí sử dụng dịch vụ (thanh toán hàng tháng):

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Số lượng kênh truyền	Thành tiền
1	Cước sử dụng kênh tổng				
	Cước sử dụng các kênh nhánh				
2	Cước phí duy trì địa chỉ IP				
Tổng cộng:					
<i>Bằng chữ:</i>					

3. Chi phí thiết bị (nếu có):

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Số lượng	Thành tiền
1					
Tổng cộng:					
<i>Bằng chữ:</i>					

Bên A thanh toán 100% chi phí thiết bị cho Bên B ngay sau khi ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật.

IV. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		
Xuất hóa đơn, thanh toán		

V. ĐẦU MỐI XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

ĐẠI DIỆN BÊN A (2)

ĐẠI DIỆN BÊN B (2)

Ghi chú: Phụ lục 02 sử dụng cho dịch vụ Truyền số liệu Mega IoT

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**
 - Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:
- + Căn cứ Hợp đồng gốc
- + Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như **(3)** của Hợp đồng

Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng sốngày.....)

Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc;
Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm ..., chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC